TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2021
V/v *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dương Tấn Đấu**

Ông **Nguyễn Phước Lộc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hồng Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông **Lê Minh Dũng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2020/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Quốc K**, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khu phố A, phường D, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Bảo Ng**, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khu phố A, phường D, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Trần Quốc K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, chị Nguyễn Bảo Ng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Quốc K trình bày:

Vào năm 2017 anh Trần Quốc K và chị Nguyễn Bảo Ng tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D,

huyện PQ, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND phường D, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang) vào ngày 24/5/2017, giấy chứng nhận kết hôn số 136.

Sau khi cưới nhau, vợ chồng cùng chung sống tại nhà cha mẹ ruột anh K tại địa chỉ thuộc khu phố A, phường D, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẽ, hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau, từ đó chị Ng bỏ nhà đi nhiều lần mà không nói cho anh K biết, sau mỗi lần bỏ nhà đi thì chị Ng có quay trở về nhà để chung sống, anh K vì nghĩ tình nghĩa vợ chồng và con chung là cháu Trần Khánh N, sinh ngày 01/10/2017 còn nhỏ, nên anh cho chị Ng cơ hội để tiếp tục lo cho con chung. Nhưng đến khoảng tháng 6 năm 2020, thì chị Ng đã bỏ nhà đi và không thấy trở về nhà lần nào nữa. Anh K nhiều lần điện thoại và liên lạc qua zalo để yêu cầu chị Ng trở về, nhưng chị Ng không trở về và không cho anh K biết địa chỉ nơi chị Ng đang sinh sống hiện tại là ở đâu. Do đó, anh K không còn tin tưởng ở chị Ng và nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đã sống ly thân nhau từ tháng 6/2020 cho đến nay, cả hai không còn sự quan tâm nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài và không thể nào hàn gắn lại được, nên anh K yêu cầu tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Bảo Ng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chỉ có một người con chung tên là Trần Khánh N, sinh ngày 01/10/2017, từ nhỏ cho đến nay cháu sống cùng với anh K và cha mẹ ruột anh K. Anh K yêu cầu sau khi ly hôn, anh được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh, vì anh có đi làm tạo ra thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện kinh tế và điều kiện chỗ ở cũng như về mặt tinh thần để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N tốt nhất, còn chị Ng đã bỏ nhà đi không quan tâm đến con cái và không biết nơi ở ổn định của chị Ng là ở đâu nên không đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Anh K xác định vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh K cam kết vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu tóa xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Bảo Ng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết tất cả các thủ tục tố tụng để triệu tập, thông báo chị Ng đến tòa án để giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, chị Nguyễn Bảo Ng vẫn vắng mặt không lí do, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của anh Trần Quốc K.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, về cơ bản đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Từ khi tòa án thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn từ khi Tòa án thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, mặc dù Tòa án đã tống đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Bảo Ng nhiều lần nhưng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không lí do. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Quốc K là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo hướng xét xử cho nguyên đơn anh Trần Quốc K được ly hôn với chị Nguyễn Bảo Ng, giao con chung là cháu Trần Khánh N, sinh ngày 01/10/2017 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi; Anh K không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1].Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Trần Quốc K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải tranh chấp ly hôn, nuôi con chung với bị đơn chị Nguyễn Bảo Ng. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung".

Bị đơn chị Nguyễn Bảo Ng có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại khu phố A, phường D, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lí do.

Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc K và chị Nguyễn Bảo Ng tự nguyện tìm hiểu và về chung sống vợ chồng từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện Phú Quốc (nay là UBND phường D, thành phố Phú Quốc), tỉnh Kiên Giang, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn, anh K và chị Ng cùng chung sống tại nhà cha mẹ ruột của anh K tại địa chỉ thuộc tổ 3, khu phố A, phường D, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống giữa anh K và chị Ng phát sinh mâu thuẫn tình cảm, chị Ng nhiều lần bỏ nhà đi rồi trở về. Đến khoảng tháng 6 năm 2020, thì chị Ng đã bỏ nhà đi và không quay trở về, anh K nhiều lần điện thoại liên lạc qua zalo để kêu chị Ng về nhưng chị Ng không trở về và không cho anh biết chị đang sống ở đâu, từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, cũng từ thời gian này vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Anh K cho rằng tình cảm vợ chồng đã thật sự rạn nứt, anh không còn tin tưởng chị Ng và không thể nào hàn gắn lại tình cảm được nữa, anh không muốn đoàn tụ hay tiếp tục sống chung với chị Ng nữa, mà yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ng, để cả hai được tự do.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Bảo Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để Tòa án ghi nhận ý kiến của chị đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh K, nhưng chị Ng vẫn vắng mặt không lí do, điều đó cho thấy chị Ng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa chị và anh K.

Thấy rằng, giữa anh K và chị Ng đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay do chị Ng bỏ nhà đi, vợ chồng đã không còn sự quan tâm, yêu thương chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình, điều đó cho thấy đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, dẫn đến mối quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục kéo dài. Anh K vẫn giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với chị Ng và không muốn đoàn tụ với chị Ng, để anh được tự do. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc K xin được ly hôn đối với chị Nguyễn Bảo Ng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Theo trình bày của anh K thì vợ chồng anh chỉ có một người con trai chung tên là Trần Khánh N, sinh ngày 01/10/2017, từ nhỏ cháu N đã sống cùng với vợ chồng anh, kể từ thời điểm chị Ng bỏ nhà đi thì anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và đưa rước cháu đi học, nên sau khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh K không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Xét thấy, chị Ng đã bỏ nhà đi từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay, chị không còn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và quan tâm đến cuộc sống của cháu N và không có ý kiến về việc giành quyền nuôi con chung với anh K. Hiện nay cháu N đã trên 36 tháng tuổi và đang được anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, lo cho ăn học, về điều kiện kinh tế anh K có công việc thu nhập ổn định và có chỗ ở đàng hoàng đủ điều kiện để chăm lo cho sự phát triển sau này của cháu N. Do đó, đối với yêu cầu của anh K được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nam là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Anh K xác định vợ chồng anh không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh K cam kết vợ chồng anh không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh nên cũng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Quốc K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Quốc K về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" đối với bị đơn chị Nguyễn Bảo Ng.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc K được ly hôn với chị Nguyễn Bảo Ng.

- Về con chung: Anh Trần Quốc K được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Khánh N, sinh ngày 01/10/2017 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh K không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con chung, nên chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K.

Tuy nhiên, vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Quốc K xác nhận không có và không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Quốc K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007541 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc), tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Phú Quốc;
- Chi cục THADS TP. Phú Quốc;
- UBND P. D, TP. Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Nhung

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Dương Tấn Đấu **Đinh Quang TuyếnQuách Văn K**